

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ 3 NĂM 2025

(Đính kèm theo Công văn số 1282/UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông)

ĐVT: ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3 NĂM 2025	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	408.455.065	310.856.438	76,11%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	4.315.000	1.898.142	43,99%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	8.645.000	5.120.482	59,23%
3	Thu bổ sung	395.495.065	303.837.814	69,53%
	- Thu bổ sung cân đối	366.629.000	274.971.749	7,87%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	28.866.065	28.866.065	0,00%
4	Thu chuyển nguồn			
5	Thu kết dư ngân sách			
6	Cải cách tiền lương			
II	TỔNG SỐ CHI	379.589.000	187.335.936	49,35%
1	Chi đầu tư phát triển	0	0	
2	Chi thường xuyên	372.429.000	187.335.936	50,30%
3	Tạm chi			
4	Dự phòng	7.160.000		0,00%

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ 3 NĂM 2025

(Đính kèm theo Công văn số 1282/UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông)

ĐVT: ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC QUÝ 3 NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	413.360.065	379.589.000	313.050.930	310.856.438	75,73%	81,89%
I	Các khoản thu 100%	5.515.000	4.315.000	1.898.143	1.898.143	34,42%	43,99%
	Phí, lệ phí	450.000		371.656	371.656	82,59%	
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định						
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.315.000	3.315.000	608.253	608.253	18,35%	18,35%
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	1.000.000	1.000.000	-	-	0,00%	
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	750.000		918.234	918.234	122,43%	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	12.350.000	8.645.000	7.314.974	5.120.482	59,23%	59,23%
1	Các khoản thu phân chia	12.350.000	8.645.000	7.314.974	5.120.482	59,23%	59,23%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	12.350.000	8.645.000	7.314.974	5.120.482	59,23%	59,23%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	395.495.065	366.629.000	303.837.814	303.837.814	76,82%	82,87%
	- Thu bổ sung cân đối	366.629.000	366.629.000	274.971.749	274.971.749	75,00%	75,00%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	28.866.065	28.866.065	28.866.065	28.866.065	100,00%	100,00%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ 3 NĂM 2025

(Đính kèm theo Công văn số 1282/UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông)

ĐVT: ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3 NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	379.589.000		379.589.000	187.335.936	0	187.335.936	49,35%		49,35%
	Trong đó				0					
1	Chi giáo dục	248.054.000		248.054.000	135.732.752		135.732.752	54,72%		54,72%
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-		0	0					
3	Chi quốc phòng	8.326.000		8.326.000	2.933.403		2.933.403	35,23%		35,23%
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	20.927.000		20.927.000	0					
5	Chi y tế	4.913.000		4.913.000	1.135.269		1.135.269			
6	Chi văn hóa, thông tin	-		0	0					
7	Chi phát thanh, truyền hình	-		0	0					
8	Chi thể dục thể thao	-		0	0					
9	Chi bảo vệ môi trường	400.000		400.000	19.555		19.555	4,89%		4,89%
10	Chi các hoạt động kinh tế	1.158.000		1.158.000	15.849		15.849			
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	73.978.000		73.978.000	32.938.962		32.938.962			
12	Chi cho công tác xã hội	14.673.000		14.673.000	14.560.147		14.560.147			
13	Chi khác	-		0	0					
14	Dự phòng ngân sách	7.160.000		7.160.000	0			0,00%		0,00%

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG